

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 219/2018/HNGĐ-ST
Ngày 30 – 10 - 2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thái Văn Trung

Ông Ngô Hoàng Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thắm - là thư ký Tòa án

Ngày 30 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 813/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 9 năm 2018, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 723/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2018, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Kim N (có mặt)

Địa chỉ: Số 3, đường Q, khóm 9, Phường 8, Tp C, tỉnh Cà Mau

- *Bị đơn:* Anh Lý Đức T (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 1, đường Q, khóm 9, Phường 8, Tp C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn là chị Nguyễn Kim N trong quá trình giải quyết vụ án, được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:

Về hôn nhân, chị và anh Lý Đức T đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân Phường 8, thành phố C, tỉnh Cà Mau vào ngày 27/02/2003. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do anh T có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nên vợ chồng thường hay gây gổ, cãi vã nhau, anh T không quan tâm chăm sóc vợ con, vợ chồng đã ly thân nhau khoảng từ tháng 5 năm 2018 cho đến nay, mỗi người sống một nơi, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Do cuộc sống chung không có hạnh phúc nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung, có 01 con chung tên là Lý Xuân K, sinh ngày 23/01/2004, hiện nay con đang sống chung với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không đề cập đến trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con của anh T.

Về tài sản chung: chị xác định để tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị xác định không có và không ai nợ lại anh chị.

Anh Lý Đức T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các thông báo để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 03/10/2018, 10/10/2018, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập để tham gia phiên tòa xét xử vào các ngày 24/10/2018, 30/10/2018, nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không gửi văn bản thể hiện ý kiến của mình về nội dung mà chị N đã khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Do anh T vắng mặt trong tất cả các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa xét xử không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại các Điều 207, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nội dung tranh chấp được xác định là ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về hôn nhân, chị N và anh T kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 8, thành phố C vào năm 2003 nên hôn nhân của anh chị được công nhận hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Ngân cương quyết xin ly hôn vì cho rằng vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng nên đã ly thân nhau, mỗi người sống một nơi, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Còn anh T đã biết việc chị N xin ly hôn nhưng không tham gia các phiên họp hòa giải và phiên tòa xét xử, không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình, không nộp các tài liệu, chứng cứ chứng minh để tự bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho mình nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo như trình bày của chị Ngân và chấp nhận cho chị N ly hôn với anh T.

[4] Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Lý Xuân K, sinh ngày 23/01/2004, hiện nay con đang sống chung với chị N. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi con khi ly hôn. Xét thấy, chị N có đủ điều kiện nuôi con, còn cháu K hiện nay còn nhỏ, cần có sự quan tâm chăm sóc từ mẹ, vì vậy tiếp tục giao cháu K cho chị N trực tiếp nuôi con. Do chị N tự nguyện không đề cập đến trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con của anh T, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Anh T vẫn có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung và nợ chung, xét thấy, chị N xác định vợ chồng không có nợ chung, còn về tài sản chung thì để anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nhưng anh T lại không tham gia các phiên họp hòa giải và phiên tòa xét xử, không gửi văn bản thể hiện ý kiến của mình và gửi các tài liệu kèm theo chứng minh về các vấn đề này nên chấp nhận ý kiến trình bày của chị N.

[6] Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 147, 207, 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Pháp lệnh án phí và lệ phí Tòa án; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; các Điều 56, 58 của Luật Hôn nhân và gia đình;

1/ Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Kim N ly hôn với anh Lý Đức T.

2/ Về con chung: Buộc anh Lý Đức T giao 01 con chung tên là Lý Xuân K, sinh ngày 23/01/2004, hiện nay con đang sống chung với chị N, cho chị Nguyễn Kim N trực tiếp nuôi dưỡng, không đề cập đến trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con của anh T. Anh T vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3/ Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

4/ Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000đ, chị N phải chịu. Chị N đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đ theo biên lai số 0001357 vào ngày 17/9/2018, được đối trừ, chị N đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND Tp Cà Mau;
- UBND Phường 8, Tp C;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Lê Thị Kim Oanh